

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **1. Đặc điểm hoạt động**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty TNHH Một thành viên Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa) theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 06/02/2009 của Chủ tịch UBND Tỉnh Thanh Hóa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800230817 ngày 29/05/2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 11/11/2009.

#### ***Ngành nghề kinh doanh chính***

- Kinh doanh sách giáo khoa, sách tham khảo nâng cao và các xuất bản ấn phẩm được phép lưu hành (trừ các loại sách và ấn phẩm nhà nước cấm) (mã ngành 46497);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội (trừ các loại nhà nước cấm), thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục (mã ngành 464 465);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học, thiết bị văn phòng (mã ngành 465);
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh của công ty;
- Đào tạo và liên kết đào tạo (mã ngành 85322);
- Thi công xây dựng công trình dân dụng (mã ngành 410);
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường bộ (mã ngành 4932);
- Đại lý ký gửi hàng hóa (mã ngành 46101);
- Kinh doanh, xuất – nhập khẩu hàng nông sản, thực phẩm.

### **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

##### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### ***Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35
Phương tiện vận tải	5 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

### **4.6 Tài sản cố định vô hình**

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### ***Các tài sản cố định vô hình khác***

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

### **4.7 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra. Đối với công cụ dụng cụ được phân bổ tối đa không quá 2 năm.

### **4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.9 Chi phí đi vay**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### **4.10 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên.

### **4.11 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### **4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Thuế GTGT:
  - ✓ Đối với hoạt động bán sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
  - ✓ Đối với hoạt động bán sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa và thiết bị giáo dục: Áp dụng mức thuế suất là 5%.
  - ✓ Đối với hoạt động bán văn phòng phẩm: Áp dụng mức thuế suất là 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **4.14 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.15 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## **5. Tiền**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	412.110.582	486.702.276
Tiền gửi ngân hàng	311.305.840	704.732.791
<b>Cộng</b>	<b>723.416.422</b>	<b>1.191.435.067</b>

## **6. Đầu tư ngắn hạn**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Cho cá nhân vay	1.800.000.000	340.000.000
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	4.299.352.328	4.325.343.820
Dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	(949.544.459)	(1.077.571.389)
<b>Cộng</b>	<b>5.149.807.869</b>	<b>3.587.772.431</b>

**7. Các khoản phải thu khác**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Công ty Tramexco Thanh Hóa	1.000.000	1.000.000
Cổ tức, lãi dự thu	130.000.000	157.920.000
Phải thu khác	506.316.025	538.285.116
<b>Cộng</b>	<b>637.316.025</b>	<b>697.205.116</b>

**8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	166.763.373	166.763.373
<b>Cộng</b>	<b>166.763.373</b>	<b>166.763.373</b>

**9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	132.171.597	125.295.563
Chi phí SX, KD dở dang	102.472	-
Hàng hóa	4.473.735.635	4.519.130.127
Hàng gửi đi bán	982.723.470	658.706.576
<b>Cộng</b>	<b>5.588.733.174</b>	<b>5.303.132.266</b>

**10. Tài sản ngắn hạn khác**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Tạm ứng	735.595.076	533.575.076
Tiền ký quỹ bảo lãnh hợp đồng	16.151.000	16.151.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.620.000	1.620.000
<b>Cộng</b>	<b>753.366.076</b>	<b>551.346.076</b>

### **11. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b> <b>VND</b>	<b>Máy móc thiết bị</b> <b>VND</b>	<b>P.tiện vận tải truyền dẫn</b> <b>VND</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b> <b>VND</b>	<b>Cộng</b> <b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	7.412.742.697	11.500.000	623.709.615	133.733.847	8.181.686.159
Mua sắm trong kỳ	34.415.000	-	-	-	34.415.000
T/lý, nhượng bán	-	-	364.420.000	-	364.420.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.447.157.697</b>	<b>11.500.000</b>	<b>259.289.615</b>	<b>133.733.847</b>	<b>7.851.681.159</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	777.865.469	11.500.000	409.863.492	128.134.641	1.327.363.602
Khấu hao trong kỳ	291.954.122	-	25.928.962	5.599.206	323.482.290
T/lý, nhượng bán	-	-	364.420.000	-	364.420.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.069.819.591</b>	<b>11.500.000</b>	<b>71.372.454</b>	<b>133.733.847</b>	<b>1.286.425.892</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	6.634.877.228	-	213.846.123	5.599.206	6.854.322.557
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.377.338.106</b>	<b>-</b>	<b>187.917.162</b>	<b>-</b>	<b>6.565.255.267</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 145.233.847 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã thế chấp để đảm bảo nợ vay là đồng

### **12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	235.168.778	224.974.274
Lợi thế kinh doanh (*)	3.384.674.846	3.384.674.846
<b>Cộng</b>	<b>3.619.843.624</b>	<b>3.609.649.120</b>

(\*) Lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản để cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Vay ngắn hạn	13.900.000.000	8.950.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	13.900.000.000	8.950.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.900.000.000</b>	<b>8.950.000.000</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	18.645.699
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.777.748	227.617.162
Thuế thu nhập cá nhân	1.503.000	1.102.600
<b>Cộng</b>	<b>19.280.748</b>	<b>247.365.461</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**15. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Lãi vay phải trả	-	26.850.000
Chiết khấu thanh toán	-	124.445.007
Chi phí phải trả khác	25.274.915	92.228.960
<b>Cộng</b>	<b>25.274.915</b>	<b>243.523.967</b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	32.995.782	46.605.791
Phải trả về cổ phần hoá	2.723.350.709	2.723.350.709
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.144.229	55.144.229
<b>Cộng</b>	<b>2.811.490.720</b>	<b>2.825.100.729</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**17. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>10.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>33.044.875</b>	<b>36.373.024</b>	<b>10.569.417.899</b>
Tăng trong năm	-	21.823.815	1.818.651	251.098.572	274.741.038
Giảm trong năm	-	-	-	36.373.024	36.373.024
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>10.500.000.000</b>	<b>21.823.815</b>	<b>34.863.526</b>	<b>251.098.572</b>	<b>10.807.785.913</b>
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>10.500.000.000</b>	<b>21.823.815</b>	<b>34.863.526</b>	<b>251.098.572</b>	<b>10.807.785.913</b>
Tăng trong năm	-	-	-	107.608.480	107.608.480
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>10.500.000.000</b>	<b>21.823.815</b>	<b>34.863.526</b>	<b>358.707.052</b>	<b>10.915.394.393</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	5.355.000.000	5.355.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	5.145.000.000	5.145.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.500.000.000</b>	<b>10.500.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.050.000	1.050.000
- Cổ phiếu thường	1.050.000	1.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.050.000	1.050.000
- Cổ phiếu thường	1.050.000	1.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

### **d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	251.098.572	36.373.024
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	107.608.480	251.098.572
Phân phối lợi nhuận	-	36.373.024
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	21.823.815
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	1.818.651
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	12.730.558
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>358.707.052</b>	<b>251.098.572</b>

### **18. Doanh thu**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu	44.537.312.987	48.705.342.445
+ Doanh thu bán sách và thiết bị trường học	41.670.629.960	46.263.342.445
+ Doanh thu bán hàng nông sản	2.535.397.200	2.442.000.000
+ Doanh thu khác	331.285.827	
Các khoản giảm trừ doanh thu	501.771.942	70.957.858
+ Chiết khấu thương mại	418.408.107	-
+ Hàng bán bị trả lại	83.363.835	70.957.858
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>44.035.541.045</b>	<b>48.634.384.587</b>

### **19. Giá vốn hàng bán**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	<b>Năm 2012</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2011</b> <b>VND</b>
Giá vốn bán sách và thiết bị trường học	37.399.403.022	39.878.339.182
Giá vốn bán hàng nông sản	2.381.400.000	2.380.950.000
Giá vốn hàng khác	295.874.668	-
<b>Cộng</b>	<b>40.076.677.690</b>	<b>42.259.289.182</b>

**20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2012</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2011</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	124.740.426	196.990.915
Cổ tức, lợi nhuận được chia	181.940.000	240.820.000
Lãi bán hàng trả chậm	208.527.946	77.303.351
<b>Cộng</b>	<b>515.208.372</b>	<b>515.114.266</b>

**21. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2012</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2011</b> <b>VND</b>
Lãi tiền vay	1.654.934.768	2.293.937.285
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	129.707.112	114.658.841
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-	466.886.733
Lỗ bán cổ phiếu	77.979.243	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	(128.026.930)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.734.594.193</b>	<b>2.875.482.859</b>

**22. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2012</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2011</b> <b>VND</b>
Thu nhập cho thuê văn phòng	145.161.039	234.264.248
Thu phí phát hành sách	152.490.572	-
Thu thanh lý TSCĐ	75.454.545	-
Thu nhập khác	13.274.004	248.511.245
<b>Cộng</b>	<b>386.380.160</b>	<b>482.775.493</b>

**23. Chi phí khác**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	<b>Năm 2012 VND</b>	<b>Năm 2011 VND</b>
Chi phí nộp phạt thuế	5.600.136	74.141.052
Chi phí thanh lý TSCĐ	2.000.000	-
Chi phí khác	-	253.269
<b>Cộng</b>	<b>7.600.136</b>	<b>74.394.321</b>

**24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm**

	<b>Năm 2012 VND</b>	<b>Năm 2011 VND</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	107.234.080	268.876.320
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(167.039.864)	(166.678.948)
Điều chỉnh tăng	14.900.136	74.141.052
- Chi phí không hợp lệ	14.900.136	74.141.052
Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	181.940.000	240.820.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	181.940.000	240.820.000
Tổng thu nhập chịu thuế	(59.805.784)	102.197.372
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(374.400)	17.777.748
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	25.549.343
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(374.400)	(7.771.595)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>107.608.480</b>	<b>251.098.572</b>

**25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	<b>Năm 2012</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2011</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	107.608.480	251.098.572
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	107.608.480	251.098.572
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.050.000	1.050.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>102</b>	<b>239</b>

### **26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2012</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2011</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.283.731	166.182.763
Chi phí nhân công	1.257.712.872	1.284.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	323.482.290	367.402.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	482.672.187	1.071.650.879
Chi phí khác bằng tiền	788.872.398	1.162.368.718
<b>Cộng</b>	<b>3.011.023.478</b>	<b>4.051.605.074</b>

### **27. Công cụ tài chính**

#### **a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### **b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu rủi ro khi có sự biến động về lãi suất và giá hàng hóa.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc công ty đánh giá rằng Công ty không có rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính.

##### *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá hàng hóa đầu vào. Tuy nhiên giá mua các hàng hóa trong lĩnh vực giáo dục là tương đối ổn định trong các năm qua nên Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### ***Quản lý rủi ro tín dụng***

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các Phòng Giáo Dục. Do đó Ban Giám đốc Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với khách hàng và đối tác.

### ***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

<b>31/12/2012</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Các khoản vay và nợ	13.900.000.000	-	13.900.000.000
Phải trả người bán	7.881.902.553		7.881.902.553
Chi phí phải trả	25.274.915		25.274.915
Phải trả khác	2.755.494.938		2.755.494.938
<b>Cộng</b>	<b>24.562.672.406</b>	<b>-</b>	<b>24.562.672.406</b>
<b>31/12/2011</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Các khoản vay và nợ	8.950.000.000	-	8.950.000.000
Phải trả người bán	5.704.282.296		5.704.282.296
Chi phí phải trả	243.523.967		243.523.967
Phải trả khác	2.778.494.938		2.778.494.938
<b>Cộng</b>	<b>17.676.301.201</b>	<b>-</b>	<b>17.676.301.201</b>

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Hiện tại Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

<b>31/12/2012</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	723.416.422	-	723.416.422
Phải thu khách hàng	12.274.954.255	-	12.274.954.255
Đầu tư tài chính	5.149.807.869	-	5.149.807.869
Phải thu khác	637.316.025	-	637.316.025
Tài sản tài chính khác	16.151.000	-	16.151.000
<b>Cộng</b>	<b>18.801.645.571</b>	<b>-</b>	<b>18.801.645.571</b>

  

<b>31/12/2011</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.191.435.067	-	1.191.435.067
Phải thu khách hàng	7.798.137.673	-	7.798.137.673
Đầu tư tài chính	3.587.772.431	-	3.587.772.431
Phải thu khác	697.205.116	-	697.205.116
Tài sản tài chính khác	16.151.000	-	16.151.000
<b>Cộng</b>	<b>13.290.701.287</b>	<b>-</b>	<b>13.290.701.287</b>

### **28. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty có thể tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận duy nhất là kinh doanh sách, thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính Thanh Hóa, Việt Nam.

### **29. Các bên liên quan**

#### **a. Các bên liên quan**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<b>Tên Công ty</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội (HEMCO)	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư

### **b. Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên có liên quan trong năm**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng</b>		
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	-	14.564.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	-	31.371.500
Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	413.184.885	299.094.052
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	2.611.953.070	852.681.480
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	-	-
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	13.073.500	61.425.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo dục Hà Nội	15.405.410.723	13.237.707.472
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	164.360.760	117.983.520
Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội (HEMCO)	18.000.000	78.039.000
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	-	44.925.000
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	17.427.459.278	17.480.847.646

### **c. Số dư với các bên có liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
<b>Phải trả người bán</b>		
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	31.371.500	57.072.000
Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	312.310.120	299.125.235
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	512.701.252	475.748.182
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	670.490	670.490
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	165.028.205	151.954.705
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo dục Hà Nội	5.162.975.798	3.022.792.672
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	99.117.600	172.779.960
Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội (HEMCO)	18.000.000	143.593.668
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	24.925.000	44.925.000
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	909.321.880	150.270.606

**30. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

**31. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi AAC.

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Lê Thế Sơn**

**Vũ Thị Ninh**

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 03 năm 2013